

PHẬT TỔ THỐNG KÝ

QUYỂN 10

PHẦN 2

A. Dòng thứ của ngài Chương An:

Đời thứ hai, gồm có:

Long Hưng, Hoàng Cảnh Thiền Sư.

Nam Nhạc, Đại Tuệ Thiền Sư.

Gia Tường, Cát Tạng Thiền Sư.

Thiên thai, Minh Khoáng Thiền Sư.

Ngọc Tuyền, Đạo Tố Thiền Sư.

Đời thứ ba, Kỳ Xà, Trí Bạt Thiền sư (nổi ngài Cát Tạng)

B. Dòng thứ của ngài Thiên Cung:

Đời thứ hai:

Vĩnh gia, Chân Giác Thiền Sư.

C. Dòng thứ của ngài Tả Khê:

Đời thứ hai gồm có:

Tiêu sơn, Thần Ấp Thiền Sư.

Chí hình, Đạo Tuân Thiền Sư.

Phật lũng, Đại Nghĩa Thiền Sư.

Tử kim, Nguyên Tông Thiền Sư.

Tứ minh, Đạo Nguyên Thiền Sư.

Vụ nữ, Thanh Biện Thiền Sư.

Vụ nữ, Hành Tuyên Thiền Sư.

Vụ nữ, Viên Tịnh Thiền Sư.

Vụ nữ, Pháp Khai Thiền Sư.

Tam cù, Đạo Tân Thiền Sư.

Tam cù, Tuệ Tùng Thiền Sư.

Tỳ lăng, Thủ Chân Thiền Sư.

Tiền Đường, Pháp Đăng Thiền Sư.
Tiền Đường, Pháp Chân Thiền Sư.
Cối kê, Pháp Nguyên Thiền Sư.
Tân la, Pháp Dung Thiền Sư.
(Ba vị sau thuộc Tả Khê Ký)
Tân la, Lý Ứng Thiền Sư.
Tân la, Thuần Anh Thiền Sư.
Cư sĩ Phó Lễ.
Cư sĩ Vương Nguyên Phước.

Đời thứ ba: Tiêu Sơn, Trí Ngang Thiền sư (bốn vị sau nối Sư Thần

Ấp)

Tiêu sơn, Linh Triệt Thiền Sư.
Tiêu sơn, Tiến Minh Thiền Sư.
Tiêu sơn, Tuệ Chiếu Thiền Sư.
Chi Hình, Linh Thâu Thiền Sư.
(Bốn vị sau nối Sư Đạo Tuân)
Chi hình, Pháp Thành Thiền Sư.
Chi hình, Đạo Hân Thiền Sư.
Chi hình, Linh Nguyên Thiền Sư.

D. Dòng thứ của ngài Kinh Khê:

Đời thứ hai gồm có:

Nam nhạc, Phổ Môn Thiền Sư.
Long hưng, Nguyên Hạo Thiền Sư.
Hoa đảnh, Hạnh Mãn Thiền Sư.
Thiên thai, Trí Độ Thiền Sư.
Kiến an, Pháp Ngung Thiền Sư.
Vân phong, Pháp Chứng Thiền Sư.
Vô tánh, Pháp Kiến, Thiền Sư.
Hàn lâm học sĩ Lương Túc
Sử bộ lang trung Lý Hoa.
Tán kỵ thường thị Thôi Cung (bốn vị sau nối Sư Nguyên Hạo)
Gián cơ đại phu Điền Giáo (Đôn)
Thân thông, ba mươi chín người (Đại sư Truyền Luận)
Đời thứ ba: Đàm Hoàn Thiền sư (nối Sư Phổ Môn)
Trí Tịnh Thiền sư (năm vị sau đây nối Sư Nguyên Hạo):
Trọng Nghĩa Thiền Sư.
Tử Du Thiền Sư.

Đạo Như Thiên Sư.
Trọng Lương Thiên Sư.
Long Hưng Trọng Tốn Pháp sư.
Đời thứ tư:
Trung thừa, Liễu Công Xước.
Thứ sử, Liễu Tông Nguyên.
Trung thư, Trịnh Khổn.
Thứ sử, Mạnh Giản.

E. Dòng thứ của ngài Hưng Đạo:

Hưng thiện, Thủ Tố Thiên Sư.
Nhật Bản, Tối Trưng Thiên Sư.

F. Dòng thứ của ngài Chí Hành:

Thiên thai, Lương Tư Thiên Sư.
(Hai người sau thuộc Chí Hành Kỷ)
Thiên thai, Kính Văn Pháp sư.
Thiên thai, Quang Thiệu Pháp sư.
Thiên thai, Duy Quyên Pháp sư.
Thiên thai, Thứ Sử Vi Hành (ở Chí Hành Bản Kỷ).

G. Dòng thứ của ngài Chánh Định:

Đời thứ hai gồm có:
Thiên thai, Kính Hưu Pháp sư.
Thiên thai, Tuệ Ngưng Pháp sư.
Đời thứ ba: Thiên thai, Xứ Nguyên Pháp sư (nối Sư Tuệ Ngưng)
Đời thứ tư: Thiên thai, Huyền Quảng Pháp sư.

H. Dòng thứ của ngài Diệu Thuyết:

Đời thứ hai: Quốc ninh, Thường Tháo Pháp sư.
Đời thứ ba: Quốc ninh, Nghĩa Tùng Pháp sư.
Đời thứ tư: Quốc ninh, Đức Trù Pháp sư (nối Sư Nghĩa Tùng).
Đời thứ năm: Định thủy, Tuệ Vũ Pháp sư (Hai vị Tứ Minh sau nối
Sư Đức Trù).
Pháp tánh, Tu Nhã Pháp sư (ở Cối kê).

I. Dòng thứ của ngài Cao Luận:

Đời thứ hai gồm có:

Từ quang, Chí Nhân Pháp sư.

Diễn giáo, Giác Di Pháp sư (ở Long Hưng Tiền Đường).

Đời thứ ba:

Từ quang, Ngô Ân Pháp sư (bốn vị sau nối Sư Chí Nhân)

Ung hy, Khả Vinh Pháp sư (ở Cô Tô).

Hải nam, Hoài Chí Pháp sư.

Tiền Đường, Nghĩa Thanh Pháp sư.

Đời thứ tư:

Phụng tiên, Nguyên Thanh Pháp sư.

Linh quang, Hồng Mẫn Pháp sư.

Từ quang, Khả Nghiêm Pháp sư.

Từ quang, Văn Bị Pháp sư.

Đời thứ năm:

Phạm thiên, Khánh Chiêu Pháp sư.

(Bốn vị sau đây nối Sư Thanh)

Cô sơn, Trí Viên Pháp sư.

Sùng phước, Khánh Loan Pháp sư (ở Tiền Đường).

Khai Nguyên, Đức Thông Pháp sư (ở Cối kê).

Quảng Tuệ, Uẩn Thường Pháp sư (ở Tiền Đường nối Sư Khả
Nghiêm)

Đời thứ sáu:

Vĩnh phước, Hàm Nhuận Pháp sư.

(Ba vị sau đây nối Sư Khánh Chiêu).

Báo Ân Trí Nhân Pháp sư (Cối kê).

Vĩnh Gia Kế Tề Pháp sư.

Cô sơn, Duy Nhã Pháp sư (nối sư Trí Viên).

Đời thứ bảy:

Vĩnh Phước Thiện Bằng Pháp sư (ở Cối kê nối Sư Hàm Nhuận)

J. Dòng thứ của ngài Tinh Quang:

Đời thứ ba gồm có:

Tuệ Quang, Tông Dục Pháp sư (Quốc Thanh).

Quảng Giáo, Trưng Úc Pháp sư (ở Tiền Đường).

Quảng Giáo, Bảo Tường Pháp sư (ở Tiền Đường).

Thạch Bích, Hành Tĩnh Pháp sư (Tiền Đường).

Thạch Bích, Hành Thiệu Pháp sư.

Thắng Quang, Thụy Tiên Pháp sư (Thiên thai).

Thông Giám, Tri Liêm Pháp sư.

Sùng Pháp, Nguyễn Tề Pháp sư.
Cao Ly, Đế Quán Pháp sư.
Ngô Việt, Tiền Trung Ý Vương.
Thường Ninh Khế Năng Pháp sư.
(Nhóm mười vị sau đây nổi Sư Tông Dục).
Thông Chiếu, Giác Minh Pháp sư (Tiền Đường Thiên Khoảnh).
An Quốc, Chí Trăn Pháp sư (Các vị dưới đây đều ở Tiền Đường).
Bảo Sơn, Hoài Khánh Pháp sư.
Minh Giáo, Hiếu Thừa Pháp sư.
Bảo Tạng, Ngô Chân Pháp sư.
Đảnh Sơn, Hoài Chí Pháp sư (ở Cô Tô).
Linh thứu, Chí Luân Pháp sư (đều ở Tiền Đường).
An Quốc, Tiêu Nhân Pháp sư.
Từ Tuệ, Khánh Văn Pháp sư (Cối kê).

K. Dòng thứ của ngài Bảo Vân: Đời thứ hai gồm có:

Thiên Trúc, Tuân Thí Pháp sư.
Diên Khánh, Dị Văn Pháp sư.
Hưng Quốc, Hữu Cơ Pháp sư (Tứ Minh)
Quảng Tuệ, Thể Nguyên Pháp sư (Tứ Minh và Cử Sư Thư)
Thừa Thiên, Thanh Hiếu Pháp sư (Tiền Đường)
Tiền Đường, Thiện Tín Pháp sư (Tứ Minh Bản Kỷ)

DÒNG THỨ CỦA NGÀI CHƯƠNG AN

1. Thiên sư Hoàng Cảnh:

Sư họ Văn, người ở Phú dương. Năm Trinh Quán thứ hai mươi hai, Sư ở chùa Ngọc tuyền vâng lệnh vua mà được độ. Sư nương ngài Chương An thọ học Chỉ Quán, thường tụng Pháp Hoa được Đức Phổ Hiền hiện thân chứng minh, có các thiên đồng đứng hầu hai bên. Về sau Sư lên ở biệt lập trong một tinh xá có tên Long hưng cách phía Nam chùa Ngọc tuyền mười dặm. Triều Thiên Hậu năm Chứng Thánh thứ nhất, triều đình có chiếu lệnh cho Sư và Thật-xoa Nan-đà... cùng dịch kinh Hoa Nghiêm. Từ thời Thiên Hậu đến Trung Tông có ba chiếu lệnh của triều đình mời Sư vào cung cúng dường và làm Giới Sư. Sau Sư xin trở về núi, vua sắc lệnh cho Sư ở cung Lâm quang, là một trong số hai

mười vị Thiên Hạ Danh Tăng, Sư thiết trai Tăng để tu phước. Vua làm thi phú lại bảo Trung Thư Lệnh là Lý Kiêu... hòa vận rồi đem tặng Sư. Sư kính cẩn bưng các bài thi vái dài rồi chống tích trượng đi khoe khắp thiên hạ.

2. Thiên sư Cát Tạng:

Sư là người ở Kim Lăng. Năm lên bảy tuổi đã nương ngài Hưng Hoàng Lăng Pháp sư xuất gia, học hiểu nghĩa lớn. Về sau Sư đến Cối kê và ở tại chùa Gia tường, diễn giảng kinh Pháp Hoa và tự viết các chương sớ. Khi tổ Trí Giả trở về Thiên thai thì Sư và Thiên chúng hơn trăm người dâng sớ thỉnh Tổ giảng kinh Pháp Hoa nhưng Tổ không chấp nhận. Kịp khi ngài Chương An hồng pháp rất hợp ý Sư, nhân đó Sư cầu giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Ngài đưa cho quyển kinh, Sư xem qua một lần bèn cảm ngộ. Bèn đốt bỏ bài Sớ cũ rất hối hận về việc làm trước rồi đến nương nhờ ngài Chương An học hỏi Quán pháp. Khi ấy vua Tùy Dạng Đế sắc lệnh cho Sư ở chùa Nhật nghiêm tại kinh sư diễn giảng diệu kinh, cả bốn bộ chúng đều vân tập ủng hộ. Vua Đường Cao Tổ chiếu lệnh cho Sư ở chùa Diên hưng. Một hôm vào buổi sáng Sư tắm gội, đốt hương, niệm danh hiệu Phật rồi ngồi mà viên tịch. Bình thời Sư viết chép diệu kinh được hai ngàn bộ, giảng kinh Pháp Hoa ba trăm lượt, giảng đại phẩm Hoa Nghiêm, Duy-ma, Đại Luận mỗi thứ mấy mươi lượt và viết các chương sớ lưu hành ở đời. Đến ngày lâm chung thì viết quyển Tử Bất Bố Luận rồi ném bút mà hóa.

3. Thiên sư Minh Khoáng:

Sư người ở Thiên thai, nương ngài Chương An mà học về Giáo Quán, Sư rộng hồng hóa bốn chúng, chuyên tụng Pháp Hoa. Ngài Chương An soạn về Đại Ý Tám Giáo. Sư đứng đầu ở chùa Tam đồng chép lại và thọ trì. Bình thời Sư trước tác rất nhiều, nay chỉ còn bộ Tâm Kinh Sớ mà thôi.

4. Thiên sư Đại Tuệ:

Vua Đường Thái Tông có ban hiệu cho Sư nhưng quên mất tên. Lúc đầu Sư nghe ngài Chương An nói về Chỉ Quán liền được diệu ngộ. Sư ẩn cư ở Nam nhạc chuyên việc tu thiền, chim thú đều luôn quanh quần ở chỗ Sư ngồi, mọi người kính phục sự từ hóa của Sư.

5. Thiên sư Trí Bạt:

Sư họ Trương, người ở Tương dương. Lên sáu tuổi đã xuất gia nương chùa Thường tế. Mỗi ngày tụng năm tờ kinh Pháp Hoa, biết tóm tắt nghĩa lý trong kinh một cách có chuẩn mực. Sư thường bảo: Kinh này là đại sự xuất thế của chư Phật, thế nên nếu một người một đạo không

hoảng truyền thì không thông suốt. Sư được nghe khắp đã xong bèn vào kinh Sư gặp Thiên sư Cát Tạng. Ngài bảo thuật lại. Sư nói: Nhất thừa là mây bèn phân ra làm ba, cũng có thể Nhất thừa là mưa mà phân ra làm ba chẳng? Chúng không đáp được. Ngài Cát Tạng bảo: Câu hỏi này đã thâm nhập ý chỉ của kinh, bèn phú chúc đại pháp cho Sư. Về sau Sư đến ở chùa Kỳ-xà sơn, thường giảng Pháp Hoa một năm năm lượt. Tháng chín năm Trinh Quán thứ mười bốn, Sư ở nhà Tín sĩ Trương Anh khai giảng Pháp Hoa Đề xong thì cùng chúng nói lời từ biệt, rồi ngồi kiết già trên tòa mà hóa.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI THIÊN CUNG

Thiên sư Huyền Giác:

Sư họ Đái, người ở Vĩnh gia. Sư xuất gia rồi tham học khắp ba tạng, rành rẽ về Chỉ quán viên diệu pháp môn của Thiên thai, trong đi đứng nằm ngồi Sư luôn thiền quán. Nhân ngài Tả Khê Lăng Công khích lệ, Sư bèn cùng Đông dương Sách Thiên sư đến Tào Khê gặp Lục tổ. Sư chống tích trượng đi nhiều quanh Tổ ba vòng.

Tổ bảo: Phàm là Sa-môn phải đủ ba ngàn oai nghi tám vạn tế hạnh, Đại Đức ở phương nào đến đây mà sinh đại ngã mạn?

Sư đáp: Sinh tử việc lớn vô thường nhanh chóng.

Tổ: Sao không thể nhập Vô sinh, vô sinh hiểu rõ không nhanh chóng sao?

Sư: Thế tức vô sinh, hiểu vốn không nhanh chóng.

Tổ: Đúng thế! Đúng thế!

Bấy giờ Đại chúng đều kinh ngạc. Sư bèn kính cẩn tham lễ Tổ, giây lát xin cáo biệt.

Tổ bảo: Về nhanh thế!

Sư: Vốn tự không động sao lại có nhanh.

Tổ: Ai biết không động?

Sư: Nhân giả tự sinh phân biệt đó thôi.

Tổ: Ông rất hiểu được ý vô sinh.

Sư: Vô sinh há có ý sao?

Tổ: Không ý thì ai sẽ phân biệt?

Sư: Phân biệt cũng không phải ý.

Tổ: Lành thay, lành thay!

Sư bèn nghỉ lại một đêm. Người thời ấy gọi là giác một đêm. Sáng hôm sau Sư trở về Ôn giang, người đến học đông đảo gọi là Chân Giác Đại sư. Thời Duệ Tông năm Tiên Thiên thứ nhất, Sư ngồi yên mà thị

tịch. Tháp ở Tây sơn. Vua thụy phong cho Sư là Vô Tướng Đại Sư. Tháp đề: Tịnh Quang, quan thứ sử Khánh châu là Ngụy Tĩnh, góp nhặt văn Sư đã viết thành mười quyển gọi là Vĩnh Gia Tập.

Nhân Thảo Am nói: Ngụy Tĩnh thu thập các Di Văn của Sư gồm mười thiên lập thành một tập, các thư phúc đáp bạn bè và người khác cũng có phụ vào nhưng không phụ lục “Chứng Đạo Ca” là sao? Vì ép mà nói vậy. Bởi chứng đạo gọi là Ca, là Pháp mà Như Lai lập ra để tu chứng thì không ngoài Tạng, Thông, Biệt, Viên. Nay cái gọi là đạo thì tu chứng của Tạng Thông hay tu chứng của Biệt viên? Nếu bỏ đây mà riêng có tu chứng thì được cái không phải như Vĩnh Minh gọi là không nương vào địa vị của Thiên ma ngoại đạo đó ư? Nghĩa Thần Trí nói rằng: Thảo sơ tầm kinh, phân biệt danh tướng tự mình không thấu suốt mà thôi, chứ không phải lỗi ở kinh luận. Không biết ai thảo ra lời sơ đó ư? Nếu là sơ của Từ Ân... thì còn được, chứ sơ của Thiên thai thì đều phải có phương thức quy cũ nhiếp pháp nhập Tâm quán cùng với Kinh hợp nhau chớ không phải là đếm các báu của người khác. Há có thể gọi đó là phân biệt danh tướng mà thôi ư?

Hồng Giác Phạm nói rằng: Phạm Tăng Giác Xứng cho Tây Trúc gọi bài ca này là kinh Đại thừa ở Đông độ. Nếu lấy nghĩa Thiên Bạt Biệt Truyện mà luận bàn thì bài ca này đặc biệt chưa gặp người thấu rõ, vậy hãy đốt nó đi.

Luận rằng: Theo Tả Khê Bản Kỷ thì Xứng và Chân Giác là bạn đồng môn. Trong Chân Giác Truyện thì Xứng do ngài Tả Khê khích lệ bèn đến gặp Tổ Tào Khê, nhưng lại nói hiểu rành Đạo Quán Chỉ của Thiên thai thì biết là kẻ đồng học với ngài Thiên Cung không còn nghi ngờ gì nữa. Huống trong Vĩnh Gia Tập lại dùng toàn là ý chỉ Chỉ Quán giá chiếu. Đến đây thì càng đáng tin người ấy phải có liên hệ với ngài Thiên Cung có ý dùng cái thấy của Thầy mình trao cho. Nhưng Chứng Đạo Ca truyền trên đời có lời và ý trái nhau nên người xưa gọi đó không phải là Bản Thật, há chẳng phải thế ư?

DÒNG THỨ CỦA NGÀI TẢ KHÊ

1. Thiên sư Thần Ấp:

Sư tự Đạo Cung, là hậu duệ của Tấn thái úy Thái Mô, tổ tiên là những kẻ cứng cỏi của nước Việt. Lúc Sư còn nằm trong bao ịu trẻ khi nghe tiếng đọc kinh thì liền chú ý lắng nghe. Năm mười ba tuổi thì xuất gia nương ngài Pháp Hoa Tuấn Sư. Đến năm khai nguyên thứ hai mươi sáu thì vâng lệnh vua mà được độ, theo học luật Tứ Phần với Nghiễm

Sư, Sư bảo: “Đứa bé này tất là học giả ở Ty nam.” Do đó đến nương ngài Tả Khê mà học Chỉ Quán Pháp Hoa Huyền Nghĩa. Suốt năm hạ Sư diễn giảng người nghe đều vui thích kính phục. Năm Thiên Bảo, Sư đến Trường an ở tại chùa An quốc, các hàng công khanh đến hỏi đạo kiệu xe chen nhau. Vừa lúc gặp loạn An Sử, Sư chống tích trượng trở về Đông, đạo được truyền ra Tương hán. Có Trứ Tác Lang là Vi Tử Xuân học giỏi, tánh cương cường, cùng Sư thù tạc, Tử Xuân lạy dài kính phục. Trong thư Xá Nhân là Phạm Hàm khen rằng: “Sư đáng gọi là ngọc Ma-ni chẳng vấy bụi, Sư tử rống của luận bàn.” Khi Sư trở về quê cũ thì ở tại chùa Pháp hoa. Từ cuối năm Chí Đức đến Đại Lịch, Sư nhiều phen được chúng thỉnh đăng đàn truyền giới. Từ Đôn Dương trở về Nam, Kim Hoa ra phía Bắc đều gọi Sư là Giáo Thọ sư. Sư cất Già-lam ở Tiêu sơn được vua ban biển đề. Năm Đại Lịch thứ nhất, Trung Nhạc Đạo Sĩ là Ngô Quân viết luận hủy báng Phật, quan Sát sử là Trần Thiệu Du thỉnh Sư quyết đoán. Sư hẹn Ngô Quân gặp mặt để luận tà chánh, cờ trống vừa đến thì Quân đã thua chạy về phương Bắc. Sư bèn viết Phiên Tà Luận ba quyển để công kích bọn dư đảng của Quân. Đề tử của Sư gồm có Trí Ngang, Linh Triệt, Tiến Minh, Tuệ Chiếu... chỉ một năm theo học thì đều giảng nói về thiền tuệ nổi tiếng đương thời.

2. Thiên sư Đạo Tuân:

Sư tự Đông Đạt, họ Trương, người ở Ngô hưng. Năm hai mươi tuổi Sư thọ giới Cụ túc, học Tỳ-ni. Sư lại tham học với ngài Tả Khê, tu tập Chỉ Quán và Pháp hoa Tam-muội. Có lần Sư thông dong bảo môn nhân rằng: Dân của Nghiêu Thuấn tất không sống một mình là do dạy dỗ hoàn hảo. Nếu dạy mà không hoàn hảo thì dân nào có lỗi gì? Bèn rộng chép Pháp Hoa, lập kinh viện ở núi Chi hình tại Cô Tô. Sư đề cử mười bốn vị Sa-môn cao hạnh thường trì tụng Pháp Hoa, hết ngày thì đốt đuốc ban đêm mà trì, để phô bày từ thính của Đấng Đại Hùng. Năm Đại Lịch thứ nhất, quận Thứ sử Vi Nguyên Phủ, Thượng thư Lục Yên... tôn kính ngưỡng mộ Đại thừa cùng tấu biểu lên vua, được vua ban tên Pháp Hoa đạo tràng. Do đó từ Giang lên phía Đông lập được mười bảy kinh viện đều theo cách của Sư cả. Sư ở trong núi đúc tượng chép kinh, diễn giảng diệu pháp, lên đàn độ người, suốt năm không hề rảnh. Năm Thiên Bảo thứ nhất, Sư ở Linh nham đạo tràng tu Pháp hoa Tam-muội, chợt thấy có ngọn đuốc sáng rực ở giữa trời cao toàn thân Sư đấm mình trong ánh sáng. Sư đem hỏi ngài Kinh Khê, ngài bảo: “Ánh sáng trí tuệ từ tâm phóng ra, ông sắp được hiển phát khung trời Đệ nhất nghĩa vậy.” Sư lại có lần thấy thân mình ngồi trên không trung. Sư Tiên Đạt bảo

đó là tướng cấu hết, lý sáng rỗng suốt vô ngại. Buổi tối tháng bảy năm Hưng Nguyên thứ nhất, Sư không có tật bệnh mà viên tịch. Chúng trong chùa cùng mộng thấy đại điện chợt nghiêng đổ, thì biết là điềm bậc Pháp tướng sắp viên tịch. Hàng đệ tử truyền giáo của Sư như Linh Thâu Pháp Thạnh, Đạo Hân Linh Nguyên đều giỏi hoằng hóa thiền pháp.

3. Thiên sư Đại Nghĩa:

Sư họ Từ, người ở Tiêu sơn. Năm lên bảy tuổi được truyền trao kinh truyện, mỗi ngày đọc mấy ngàn lời. Năm mười hai tuổi, Sư nhập đạo ở chùa Linh ẩn tại Sơn âm. Khi vua Trung Tông lên ngôi liền phong tặng tổ tiên các quan và độ người, Sư thi tụng Pháp Hoa và trúng tuyển hạng nhất. Giữa năm Khai Nguyên, nhân có tang thân nhân Sư vào Phật lũng đọc Đại Tạng để cầu phước cho vong linh người chết. Bèn đến gặp ngài Tả Khê thọ học Chỉ Quán và được đại ngộ huyền chỉ. Sư thường tụng Pháp Hoa, Niết-bàn và Đại Tiểu Giới Bản, lấy đó làm chánh nghiệp. Đến ngày Sư viên tịch, chúng nghe có tiếng đàn sáo bèn bàn nhau là điềm Thiên đế đến đón thỉnh Sư tụng kinh.

4. Thiên sư Nguyên Tông:

Sư họ Ngô, người Vĩnh gia, đến Giang lăng du học gặp ngài Tả Khê thọ học thiền yếu. Về sau Sư ở tại Tử Kinh Sơn chuyên tu Thiên Quán. Xưa ở trong núi ấy có rất nhiều hổ dữ, từ khi Sư đến ở, tuyệt nhiên không còn dấu vết. Một hôm học chúng tụ tập đông đảo, bỗng thấy có một cụ già chạy đến lạy trước tòa, tự nói đệ tử chính là hổ, ở đây ăn người rất nhiều. Nhân Sư khai hóa được thoát thân hổ. Nay sắp sinh lên trời nên đặc biệt đến đây tạ ân, nói xong biến mất. Năm Đại Lịch thứ hai Sư ngồi ngay ngắn mà viên tịch.

5. Thiên sư Đạo Nguyên:

Sư là người ở Tứ minh thọ học tại chùa Đại bảo (nay là Vĩnh Minh Từ Khê). Lâu ngày Sư nương nhờ ngài Tả Khê học hỏi pháp Chỉ quán, thông suốt ý chỉ sâu kín, học chúng rất tâm phục (trong bài bia, Lý Hoa Tả Khê nói rằng: Đạo Nguyên ở Minh châu đã uống cạn đạo vị của ngài Tả Khê).

6. Thiên sư Pháp Nguyên:

Sư thọ học với ngài Việt Chi Pháp Hoa. Rồi theo học với ngài Tả Khê mà được đạo (Nhan Chân Khanh, trong Giới Đàn Ký ở chùa Bảo ứng tại Võ châu nói: Bèn mời Chỉ Quán Đại sư là Pháp Nguyên và Sư Pháp Tuyên cùng chung lo việc huân tu, lúc đó là năm Đại Lịch thứ sáu).

DÒNG THỨ CỦA NGÀI KINH KHÊ

1. Thiên sư Phổ Môn:

Sư họ Hà, người ở Nhạc dương. Cha là Giới làm Nghi hưng úy ở Thường châu và định cư ở đó. Sư thuở nhỏ rất chuyên cần học hỏi, đậu Tiến sĩ, làm quan ở triều đình. Một hôm tỉnh ngộ đời là giả dối bèn từ quan, cạo tóc vào ở chùa Nam nhạc. Chung quanh chỉ toàn sách vở Phật Nho, áo gai, hài cỏ mà thôi. Do đó Sư đến gặp ngài Kinh Khê học ý chỉ của Chỉ Quán Pháp Hoa mà được khai ngộ sâu sắc. Sư giỏi thuộc văn thí, chuộng ý xưa. Kinh Khê kính trọng Sư, đãi nhau như bạn Đạo. Sư viết hai bài tựa cho Phụ Hành và Thích Thiêm, tự xưng là Phổ Môn Tử, lời lẽ của bài tựa giản dị, mạnh mẽ, chỉ rõ cái xấu của người tập thiền. Lương Túc khen rằng: Cao Tăng ở Đông nam có Phổ Môn và Nguyên Hạo là bạn thâm giao sâu sắc (trong lời tựa Tống Hư Sư). Ngày mồng sáu tháng Quý Đông năm Trinh Nguyên thứ tám, Sư viên tịch ở nhà riêng tại Quân sơn, thọ tám mươi bốn tuổi. Đệ tử được truyền giáo là Đàm Hoàn góp nhặt các di văn của Sư có hơn hai trăm thiên lưu hành trên đời (Sư ở làng Quân sơn, huyện Nghi hưng, chùa Tịnh lạc theo học với ngài Kinh Khê. Cách mấy dặm có chùa Nam nhạc).

2. Thiên sư Nguyên Hạo:

Sư tự Quảng Thành, họ Tần người ở Ngô môn. Lúc đầu ở chùa Long hưng theo ngài Kinh Khê thọ học đạo Pháp Hoa, Chỉ Quán. Vui ở chốn núi rừng luôn để tâm vào Tam-muội. Về sau Sư đến ở chùa Khai nguyên. Hai bác Lương, Điền khuyên Sư trước thuật. Sư bèn chú giải kinh Niết-bàn. Trong bài tựa đầu Sư tự nói chỗ chứng của mình. Khi Sư làm lời Sớ thì có sự cảm ứng, sân thêm mọc ra hoa lạ, người đời không hề biết. Loài chim năm màu bay lượn tới lui. Vào tháng Trọng Đông năm Nguyên Hòa thứ hai mươi Sư viên tịch, tháp Sư ở tại Nam Nguyên của Hồ Khâu. Bạn đồng học của Sư nổi tiếng có hơn trăm vị. Nếu không kể các Tăng thì có ba vị là Hàn lâm Lương Túc, Giám Nghị Điền Đôn và Thường Thị Thôi Cung. Hàng môn nhân thọ học có danh tiếng ở đời là: Trí Tịnh, Trọng Nghi, Tử Du, Đạo Như, Trọng Lương...

3. Thiên sư Hạnh Mãn:

Sư là người Nam phổ ở Vạn châu. Đầu tiên Sư tới ngài Thạch Sương học thiền pháp. Về sau ở Thiên thai nghe ngài Kinh Khê giảng nói Chỉ Quán mà ngộ nhanh về diệu chỉ. Nhân đó Sư làm chức Trà đầu ở viện Trí Giả trên ngọn Hoa đảnh. Đêm đến nằm trên giường đất Sư lấy rác đốt cho ấm đất, rồi cởi áo nằm lên, đám cháy rận bò lớp ngộp hoặc bám vào áo mà không còn nữa. Nơi ở là ngoài hiên, những nhánh

chùm gửi trên cành tùng to gặp khi Sư ngồi thì dịu dàng rũ xuống. Người thời ấy bảo cây này cúi chào Trà đầu. Trong suốt bốn mươi năm Sư chưa hề tiểu tiện. Có kẻ bảo đó là Bồ-tát hiện thân, ăn vào mà thật là không ăn nên mới như thế. Trong năm Khai Bảo, Sư nói trước với mọi người rằng: “Ta sắp đi đây!” Liền thỉnh chúng đọc danh hiệu Văn-thù rồi im lặng mà viên tịch, thọ tám mươi tám tuổi. Sư đã từng viết sớ kinh Niết-bàn, Thiền sư Pháp Ngung ở chùa Kiến an tại Tỳ lăng xây cất Chỉ quán đường, thỉnh ngài Kinh Khê ở trong đó giảng kinh. Lương tức làm bài ký về Chỉ quán đường.

4. Lương Túc:

Ông tự là Kinh Chi, người ở An định. Trong khoảng năm Đại Lịch và Trinh Nguyên, các văn sĩ phần nhiều đều chuộng cổ học, chỉ có Lương Túc được coi là uyên áo nhất. Liễu Tử Hậu Ký nói: Các bạn trước của ông cũng khen ngợi văn ông là hay nhất. Ông đã từng học đạo Thiên thai với ngài Kinh Khê được tâm yếu sâu sắc. Ông giữ lễ độ tử rất cung kính đối với ngài. Ông thấy văn nghĩa của bộ Chỉ quán quá dài, khi xem phí nhiều thì giờ, nên sửa lại làm sáu quyển (Ngài Từ Vân nói rằng: Văn tuy có tóm gọn nhưng cách tu lại quá tóm, thiếu). Ông lại làm bộ Thống Lệ để đời sau biết pháp hệ. Ông cho bộ Chỉ Quán là sách Cứu Thế Minh Đạo, lại làm bộ Đại Sư Truyện Luận, trình bày đầy đủ về hệ thống truyền giáo. Đời bảo: Nếu luận về văn ông thì hùng, thâm, nhã, kiện, còn nói về lý thì sáng rõ thông suốt. Ngự sử Thôi Cung luận rằng: Biết Pháp Yếu, rành Quyền Thực mà làm bia Thiên Thai Thiền Lâm Tự. Thấu Giáo Nguyên, dùng cảnh trí viết bia Kinh Khê Đại Sư (thấy ở bài tựa Lương Thị tập của Thôi Cung). Ông lại nói: Triều đình chuộng Đức nên cho ông (Lương Túc) làm Thái tử Thị Độc. Nước quý Thực Lục, nên để ông làm Sử Quán Tu Soạn. Phát hiệu lệnh bày đạo vua nên phong ông làm Hàn lâm học sĩ. Cả ba chức đều nổi tiếng ngang nhau, nên việc ông làm quan ở triều đình thì không cho là không đạt. Tuổi ông hơn bốn mươi, Sĩ Lâm đều ngưỡng mộ, đem sánh với Nhan Hồi Hoàng Thúc Độ cũng không cho là không thọ. Đối với ông thì: Thân già lặn đạn nẻo quan, bạc đầu cõi thế lo toan ích gì?

5. Lý Hoa:

Ông tự Hà thúc, người ở Tán hoàng, Triệu châu. Đã nhiều lần ở Hoàng Từ Khoa đỗ Tiến sĩ. Năm Thiên Bảo thứ mười một, ông dời sang làm Hữu bổ khuyết. Khi có loạn An Lộc Sơn, ông lui về ở Giang nam. Lý Hiện dâng biểu vua bổ ông ra làm quan rồi được thăng chức Lại Bộ Viên Ngoại. Bị khổ về bệnh phong tê ông liền từ quan làm khách ở Sơn

dương, ép buộc con em chuyên về nghề nông sống yên nơi sơn dã. Buổi vắng niên, ông chỉ lo phụng sự Phật pháp, không sáng tác văn thơ bao nhiêu, ông chỉ chuyên làm gia truyện và mộ bản của các quan Đại phu hoặc các bia tụng ở châu huyện, người ta thường mang vàng lụa đến mời nên đành gượng làm. Ông từng theo học Chỉ Quán với ngài Kinh Khê và viết thành một thiên Đại Ý. Năm Đại Lịch thứ nhất, ông qua đời ở nhà riêng.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI HƯNG ĐẠO

Pháp sư Thủ Tổ:

Lúc đầu Sư theo Thúy sư học pháp Tâm quán và được ngộ huyền chỉ. Sư vào ở chùa Đại hưng thiện tại kinh sư. Chân không hề ra khỏi cổng, luôn trì tụng kinh Pháp Hoa hơn ba vạn bảy ngàn bộ. Đêm đến có hổ lang đến hầu quanh tòa để nghe kinh, ăn thì chim ô thước đậu trên tay mổ thóc. Sa-môn U Huyền làm thi tặng Sư có hai câu:

*Ba vạn hoa kinh ba mươi xuân
Nửa đời trần lụy chẳng lấm chân.*

Người thời ấy lấy câu này làm thực lục về Sư.

DÒNG THỨ CỦA NGÀI CAO LUẬN

1. Pháp sư Ngộ Ân:

Sư tự là Tu Kỷ, họ Lộ, người ở Thường Thục. Năm mười ba tuổi, sư nghe tụng kinh Di-đà có điều cảm ngộ, bèn đến chùa Hưng phước ở Phá sơn cầu xuất gia. Lúc đầu sư học Tỳ-ni. Nghe thuyết Tam Quán Lục Tức ở Thiên thai rất phù hợp ý mình. Đời Tấn năm Khai Vận thứ nhất, Sư đến thất của Từ Quang Nhân Sư ở Tiền Đường. Sư Nhân bèn giảng thứ lớp, thuật lại, mổ xẻ, phân tích những chỗ kín đáo nhỏ nhiệm. Lúc bấy giờ Sư được khen là Nghĩa Hồ. Sư nối gót hoàng pháp, Đạo danh là Đại Bá. Lúc đầu là một nhà giáo điển. Nhưng từ năm Hội Xương hủy phá Phật pháp nên Văn nghĩa phân tán mất mát. Sư liền giải bày Thập Diệu, nghiên xét Ngũ Trùng, diễn giải hơn hai mươi lỗi của Đại Bộ. Pháp Hoa Đại Ý sáng chói trên đời đều là do sức của Sư cả. Sư nói với mọi người rằng: Bất luận Hiền Ngu đều chỉ bày viên ý Nhất thừa. Có kẻ nghi hỏi người bất thiện đạu cơ thì thế nào? Sư bảo: Thì phải tạo duyên Độc cổ cho họ mà thôi! Bình thời Sư ăn ngày một buổi, không rời y bát, không chứa của cải, nằm thì nghiêng về hông phải, ngồi thì kiết già. Buổi cháo sáng thì nhìn mình tướng, mỗi khi Bố tát (Hán dịch là Tịnh Trụ) khi đại chúng vân tập thì Sư âm thầm nhỏ lệ, bởi nghĩ đến trong Đại

Tập có câu giới không giới đầy cả cõi Diêm-phù. Thường đem nghiệp Tịnh độ ra khuyên người. Người được vãng sinh nhiều điềm tốt. Ngày mồng một tháng tám năm Ung Hy thứ ba, nửa đêm có ánh sáng trắng từ giếng phóng lên. Sư gọi môn nhân bảo rằng: “Báo duyên của ta đã mãn.” Bèn tuyệt thực cấm khẩu một lòng niệm Phật. Bỗng mộng thấy có Sa-môn đắp y, tay bưng lư vàng đốt hương đi nhiều quanh thất Sư ba vòng, tự xưng là Quán Đảnh, “Ta đã vãng sinh Tịnh độ, mừng thầy đã tu tốt nên đến đây đón rước.” Tỉnh mộng kể chuyện lại, đồ chúng vẫn còn nghe mùi hương lạ. Đến ngày hai mươi lăm nói giảng cho chúng về chỉ quy của Chỉ Quán và đại nghĩa của Quán Tâm rồi ngồi thẳng, quay mặt về hướng Tây mà thị tịch. Chúng trong chùa đang dọn dẹp các văn bài của Sư thì nghe tiếng đồn sáo chuông mõ trên không trung một lúc lâu xa dần. Khi trà-tỳ thì được vớ số xá-lợi. Đến ba mươi một năm sau có pháp tôn của Sư là Trí Viên đến nhật di cốt ở Học chúng rồi đục đá làm tháp an táng tại Mã Nảo Pha.

2. Pháp sư Văn Bị:

Tự Chiêu Bản, họ Trịnh, là người ở Hầu quan, Phước chi. Sùng kính Pháp Hoa, Duy-ma, Viên Giác, Thập Lục Quán, Tiểu Bát-nhã v.v... tinh luyện mãi không quên. Khoảng năm Thiên Phước đời Tấn, Sư đến Cối kê truyền Bách Pháp Luận. Nghe ở Thiên thai có Tam Quán dùng làm kim chỉ nam cho người học, bèn đến gặp Sư Nhân, ngày đêm chú tâm nghiên cứu, gồm cả Số cú các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh hay các văn chỉ Quán Sư đều thông suốt ý chỉ. Mỗi khi cùng đồng môn hay Ân Sư thuật lại Quán Pháp thấy đều vừa ý. Ngài Ngô Ân bảo mọi người rằng: Để dự bị cho đoàn hậu tấn nên ông ấy đã cùng ta gạn tìm cách diễn giải nghĩa lý. Khi Sư Ngô Ân tịch rồi thì Sư càng tôn kính thầy, quyết tâm hoàn thành sự nghiệp. Sư có bản tính thâm trầm, trọn ngày như ngu khờ. Có khi khuyên dạy người thì Sư nói: Giảng dạy rất nhiều người Tổ phong chưa hề suy giảm, kháng tích mở đường hãy theo điều ta thích. Do đó Sư định thần diệu quán, ngồi nhập định trong thất hơn ba mươi năm. Vào tháng tám năm Ung Hy thứ hai, Sư có chút bệnh ngồi dựa ghế, ba lần hiện Viên tướng, gọi người hầu bảo rằng: Đây là ta thấy cõi Tịnh độ vậy. Nói xong Sư xếp chân mà thị tịch.

3. Pháp sư Khánh Chiêu:

Sư tự là Tử Văn, họ Hồ, người ở Tiên Đường. Lúc nhỏ nương theo Khai hóa viện mà xuất gia. Năm mười ba tuổi Sư thọ giới Cụ túc, học đạo Thiên thai. Lại nương Thanh Sư ở Phụng tiên mà cố gắng tu học suốt mười bảy năm. Khi ngài Phụng Tiên tạ thế thì chúng thỉnh Sư nổi

thầy giảng dạy. Rõ ràng Sư có phong cách của Sư phụ. Chưa bao lâu Sư dời về ở Thạch Bích, thuộc Phạm thiên ở phía Nam thành. Gặp chỗ ở của Minh Xá làm viện giảng kinh, Sư theo lời thỉnh đến ở. Việc diễn giảng gây chấn động lớn. Tháng tư năm Thiên Hy thứ nhất, Sư không bệnh mà tịch. Bình thời Sư giảng nói các bộ Pháp Hoa, Chỉ Quán tất cả hơn trăm lượt. Hàng đệ tử được truyền giáo từ Hàm Nhuận trở xuống có chín mươi bảy vị. Trước đây Bộ Quang Minh Huyền Nghĩa có hai bản Rộng và Tóm. Sư Ân viết Phát Huy Ký để giải thích Bản Tóm Lược. Đệ tử là hai Sư Thanh và Mẫn cùng kết hợp các lời vấn nạn để giúp hoàn thành chủ trương của thầy mình. Do đó Pháp Trí Đại sư soạn bộ Phù Tông Thích Nạn cố sức bào chữa mười thứ Quán Tâm của bản Rộng. Sư cùng Cô Sơn cũng soạn bộ Biện Ngoa để bào chữa thuyết Phát Huy Ký. Ngài Pháp Trí lại viện dẫn đầy đủ các văn trước sau rất rõ ràng để tranh luận gọi là Thập Nghĩa Thư. Do đó các học giả ở Tứ minh mới gọi cái Học của Ân, Thanh, Chiêu, Viên là phái Sơn Ngoại với lời lẽ chê bai.

4. Pháp sư Trí Viên:

Tự là Vô Ngoại, Sư tự lấy hiệu là Trung Dung Tử hoặc gọi là Tiềm Phu. Sư họ Từ, người ở Tiền Đường. Khi mới học nói, liền biết hiểu để. Lớn hơn chút thường bẻ cây chấm nước rồi viết chữ trên đá, lại sắp hàng các hoa cỏ làm học trò còn mình thì giả làm thầy giáo giảng dạy. Cha mẹ lấy làm lạ bèn cho vào chùa tu, tám tuổi Sư thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi một tuổi nghe Phụng Tiên Thanh Sư truyền đạo Thiên thai Tam Quán, bèn đội giáp sách đến nơi, vén áo luận hỏi. Được hai năm thì Sư Thanh viên tịch, Sư bèn qua ở Cô sơn tại Tây hồ. Người học đông như chợ. Sư an bản lạc đạo, bầu bạn với Xử sĩ Lâm Thông. Vương Khâm Nhược ra phủ dụ Tiền Đường, ngài Từ Vân sai sứ mời Sư cùng đến đón. Sư cười bảo sứ rằng: Trên cảnh Tiền Đường, một vị Tăng có thể đặt chân lên sao? Sư sớm bị bệnh bấu lao, nên còn được gọi là ông Bệnh. Sư luôn giảng đạo ngâm nga chưa hề chút mệt mỏi. Sư dặn trước môn nhân rằng: Sau khi ta chết rồi các ông chớ nên an táng ta trọng hậu sẽ gây tội cho ta, đừng dựng tháp cho ta để phỉnh ta, đừng vào bảo ta có địa vị rồi làm Minh mà dối khen ta. Phải dùng hai mảnh sành úp lại mà chôn cất, rồi đặt đá ghi rõ tên, tự, năm tháng mà thôi. Đến khi mất, môn nhân theo đúng lời dặn dò, dùng lu khâm liệm rồi an táng Sư nơi ngọn núi cao, ở đấy không làm nhà chỉ đắp nền đất phẳng. Bảy giờ là tháng hai năm Càn Hưng thứ nhất, Sư thọ bốn mươi bảy tuổi. Khoảng mười lăm năm sau, nước mưa nhiều núi sụp. Môn nhân mở lu sành ra thì thấy nhục thân của Sư không hư nát, móng và tóc đều mọc

dài ra, đôi môi hé mở lộ hàm răng ngọc. Bền mặc áo mới, rắc hương bột rồi an táng lại. Năm Sùng Ninh thứ ba, vua thụy phong cho Sư là Pháp Tuệ Đại sư.

Tác phẩm soạn thuật của Sư gồm có:

Văn-thù Bát-nhã Kinh Sớ, Di Giáo Kinh Sớ, mỗi thứ hai quyển (Ngài Tịnh Giác soạn, Trợ Tuyên Ký).

Bát-nhã Tâm Kinh Sớ, Thụy Ứng Kinh Sớ, Tứ Thập Nhị Chương Kinh Chú, Bát Tư Nghì Pháp Môn Kinh Sớ, Vô Lượng Nghĩa Kinh Sớ (Ngọc Tuệ Giác soạn Tạp Châu Ký), Phổ Hiền Hạnh Pháp Kinh Sớ, Di-đà Kinh Sớ, mỗi thứ nhất quyển.

Thủ-lăng-nghiêm Kinh Sớ mười quyển, Thế Hiệu Thập Bản Sớ Chú, lại soạn Xiển Nghĩa Sao ba quyển (tức giải thích Thỉnh Quan Âm Kinh sớ), Sách Ấn Ký bốn quyển (giải thích Quang Minh Cú), San Chánh Ký hai quyển (giải thích Quán Kinh Sớ), Biểu Vi Ký một quyển (giải thích Quang Minh Huyền), Thùy Dụ Ký mười quyển (giải thích Tịnh Danh Lực Sớ), Phát Nguyên Cơ Yếu Ký hai quyển (giải thích Niết-bàn Huyền), Bách Phi Sao một quyển (giải thích nghĩa một trăm lỗi về phẩm Kim Cang Thân của Niết-bàn Sớ).

Tam Đức Chỉ Quy hai mươi quyển (giải thích Niết-bàn Sớ), Hiển Tánh Lục bốn quyển (giải thích Kim Ty), Chích Hoa Sao hai quyển (giải thích Khuê Phong Lan Bồn Sớ), Tây Tư Sao một quyển (giải thích Tạo Di-đà Sớ), Di Mưu Sao một quyển (giải thích Tự Tạo Tâm Kinh Sớ), Cốc Hưởng Sao năm quyển (giải thích Tự Tạo Lăng-nghiêm Sớ), Tích Trọng Sao một quyển (giải thích Tự Tạo Văn-thù Bát-nhã sớ, Đại Luận nói tích trọng khiến nhẹ bớt), Chánh Nghĩa một quyển (giải thích Thập Bát Nhị Môn), Nhân Cư Biên năm mươi một quyển (đủ các sáng tác thơ văn)... Các tác phẩm trên đều mượn đạo hợp tình mà hoằng hóa.

Có người nói rằng: Sư thường bảo một kinh Lăng-nghiêm, luận nói về Chân Tâm thường trụ, mục đích là trình bày “Nhất Thừa Tu Chứng” làm sách mô phạm sau cùng. Có kẻ môn nhân của Sư chỉ vào những soạn sớ mà thưa rằng: Giải thích kinh này đã có hai, ba nhà. Nhưng các người học không an lòng với các thuyết trên. Vậy thầy sao không lấy Tam Quán, Tứ giáo theo văn mà giải nghĩa để mở mang cho người đời sau? Sư theo lời ấy mà xét hạch tra cứu Đại Nghĩa để làm thuyết Trí Giả Tam Chỉ hợp với các kinh. Ngài Tịnh Giác bảo rằng: Sư đã được chỗ thâm diệu của kinh, các thầy khác không sánh kịp (Lâm Gian Lục, ngài Thiên Thai nghe ở Tây Thiên Trúc có Thủ-lăng-nghiêm, vì vua nghiêm cấm không cho truyền rộng, ngài Thiên Thai thường xa trông lễ nguyện

cho kinh ấy sớm đến cõi này. Lại ngài Thanh Lương nói: Ta không nhìn thấy được kinh này, nhưng sẽ có Tể Quan Bồ-tát lấy văn chương mà dịch lời Phật nói. Lại mấy trăm năm nữa sẽ có Tỳ-kheo nhục thân lấy giáo ta mà giải thích kinh này). Sư làm lời Sớ Kinh Tứ Thập Nhị Chương có nói: Phật giáo truyền sang Đông độ cùng thuyết của Trọng Ni và Bá Dương là ba thuyết. Song lời dạy của Khổng, Lão nói về tánh mạng thì chưa rốt bằng duy tâm, nói về báo ứng cũng chưa suốt cả ba đời còn như việc trị thiên hạ giữ an quốc gia không thể một ngày không có được. Đến như Phật giáo chỉ cả cõi hư không đều do tâm mình, chứ không phải chỉ nói Thái cực sinh lưỡng nghi, Huyền Tẩn là gốc của trời đất mà thôi. Khảo cứu về thiện ác báo ứng thì Phật giáo bảo tất cả là do nghiệp của mình chứ không phải chỉ nói: Thượng đế vô thường, lười trời lồng lộng... mà thôi đâu. Có người cho chỗ thấy của Trọng Ni và Bá Dương dù rộng lớn đầy đủ tất cả, nhưng đem so sánh với thân mình xét chỗ chí lý hãy còn kém xa, chỉ có Phật giáo mới nói lên cái chỗ kỳ diệu mà thôi. Sư lại nói: Tánh kia có sâu cạn, lời nói việc làm có xa gần nên có khác nhau. Đến như việc làm lành lánh dữ, dẹp bỏ giết hại tàn bạo thì ba đạo đều giống nhau.

*** Nói pháp ngài Phạm Thiên, Chiêu Pháp sư.**

Pháp sư Hàm Nhuận:

Sư tự là Cự Nguyên, họ Trịnh, người ở Thượng ngu đất Việt. Lên bảy tuổi Sư đã thờ Sư Tử Minh ở Đẳng Từ. Khi thọ giới Cụ túc xong thì Sư nghiên cứu ròng về Tỳ-ni. Nhân vào Thiên thai đọc văn Tam Quán của tổ Trí Giả có chỗ tỉnh ngộ, Sư bèn đến khai hóa ở Tiền Đường học với Chiêu Sư. Sư lâu thông ý chỉ các kinh Pháp Hoa, Tịnh Danh, Niết-bàn, Lăng nghiêm... Chiêu sư kính trọng Sư sớm thành đạt, khiến Sư phân tòa giảng kinh. Kịp khi Chiêu sư đến Phạm Thiên thì khiến thay mình mà giảng. Năm Cảnh Đức thứ tư, quan Thượng ngu là Bùi Hoán cùng những Tăng Tục trong làng đến đón sư trở về Đẳng Từ để tuyên giảng Đại giáo. Năm Thiên Hỷ thứ nhất, Sư dời Giảng Quận đến Long Giáo. Sư lại soạn các Thiêm Nghi, đem ba thứ Tiêu Phục đều căn cứ vào Viên Luận. Bị ngài Tịnh Giác phá. Khi Chiêu Sư thị tịch thì trao cho lư hương và phát trần để Sư nói pháp ở Phạm Thiên. Sư luôn diễn giảng không để một ngày uổng phí. Năm Thiên Tánh thứ ba, Sư dời về ở Vĩnh Phước tại Cối kê, tập họp khoảng năm trăm chúng, mỗi ngày dẫn chúng hành hóa tụng niệm hai thời. Có lần Sư tạo tượng Phổ Hiền dắt chúng hành đạo được Bồ-tát Phóng Quang chứng minh Người thời ấy tôn kính khen rằng: Sám chủ đáng gọi là Á Từ Vân. Môn nhân kể

thuật đức hạnh của Sư nói rằng: “Sư ngồi xoạc chân trên giường sư tử mà quơ phát trần.” Trong khoảng ba Kỳ, Sư ở năm nơi, giảng dạy trăm chỗ, nghiệp thành danh sáng không thẹn với cổ nhân. Bèn mời Lý Thục soạn Truyền Giáo Đệ Tử Đề Danh Ký. Thiện Bằng viết lời đầu.

*** Nối pháp ngài Cô Sơn, Viên Pháp sư.**

Pháp sư Duy Nhã:

Từ lâu Sư nương theo ngài Cô Sơn mà được tất cả ý chỉ. Ngài Cô Sơn viết quyển Tây Tư Sao để giải thích Bộ Di-đà Sớ, ngài bệnh phải gượng tựa ghế mà đọc văn để Sư Duy Nhã ghi lại. Xế ngày mồng một, ngài nhiễm bệnh tí chút, đến đầu đêm ngày hôm sau thì tuyệt bút.

Ngài Kính Am nói: Ngài Cô Sơn lấy tài cao hơn thế bút lớn ngang trời mà soạn mười Sớ để hiểu thấu các kinh, viết các Sao để giải thích Sớ, ngài đã giúp đỡ Giáo Môn, công lao ấy thật to lớn lắm. Nhưng ngài chỉ nói ra những pháp môn vốn đã được kế thừa. Ngài nói rằng Quán Cảnh thì lấy chân tâm làm cảnh, luận về Tổng Biệt thì lấy Lý Tánh làm chung. Phán quyết rằng hai Quán Sự và Pháp không thể tu chứng được. Bỏ Bản rộng của kinh Quang Minh, không dùng Tâm Quán, chỉ luận rằng Tâm Cự Tâm Tạo chớ không phải Sắc Cự Sắc Tạo. Các nghĩa như thế đều ghi rõ trong các kinh Sách. Do đó các bậc nghĩa học có người đã quen với thuyết ấy, thì đời cho là kiến thức của các Sư Sơn Ngoại, tiếc thay! Phạm xứng hợp Tông Sư thì cần phải có đủ ba nhãn:

1. Giáo Nhãn, tức biết rõ pháp quyền thực Đại Tiểu thừa.
2. Đạo Nhãn, phải thực sự dẫm chân vào các hạnh tu chứng.
3. Tông Nhãn, phải thâm nhập tột cùng ý chỉ Viên Đốn Túc Cự.

Thường thường các Sư phái Sơn Ngoại có Tông Nhãn chưa sáng, vì chỗ thấy chưa đạt đến mức Viên Cực mà thôi. Bồ-tát Biệt giáo trí tuệ thần thông đâu có thể nghĩ bàn. Bởi chưa chứng Viên Vị nên phải bài bác để quyền biến mà thôi. Lại bậc Sơ địa chưa biết được việc gỡ chân bước tới của hàng Nhị Địa, tất cả Thánh hiền đều dùng pháp Vô Vi nhưng có sai khác nhau. Song luận về Sơn Ngoại thì xin lấy ý này mà tha thứ.

DÒNG THỨ CỦA TỊNH QUANG PHÁP SƯ

1. Pháp sư Hành Tĩnh và Hành Thiệu:

Hai Sư đều là người Tiên Đường đồng theo Thọ Thiên sư mà xuất gia, cùng thông suốt luật bộ và cùng ở chùa Thạch bích (cách đất Hàng hai mươi dặm ở phía Tây Long Sơn). Lúc bấy giờ, ngài Thiệu Pháp sư đạo pháp rất nổi tiếng. Lúc đầu hai Sư cùng theo học. Quốc sư thấy

biết là Pháp Khí, liền bảo hai Sư đến học Tam Quán với ngài Loa Khê. Cả hai Sư cùng đến nghe giảng, tìm hiểu Đại Nghĩa sớm tối miệt mài. Chẳng bao lâu việc học đã thành, cả hai sư cùng trở về Thạch Bích và giảng nói pháp cho chúng nghe. Trước sau năm mươi năm, vững chí ở mãi chốn sơn lâm chưa từng dạo đến làng ấp. Bậc Túc học ở đất Ngô đều phục sự cao khiết của các Sư. Tung Minh Giáo Luận nói rằng: Xuất gia với sư Thọ, học pháp với Sư Tịch, thấy biết với Sư Thiệu cả ba vị đều có tiết hạnh kỳ đặc là hạng người khó lường biết được, cả hai Sư đều gần gũi hầu hạ há không vĩ đại ư!

2. Pháp sư Tri Liêm:

Vua ban hiệu là Thông Giám. Từ lâu học với ngài Loa Khê. Sư vì thấy mình mà xây cất chùa chiền nguy nga, lại đem tất cả gỗ tùng bách tích chứa từ lâu mà thỉnh mời Bành Thành Công Tiên Nghiêm (là em của Ý Trung Vương) làm bia cho Truyền Giáo Viện ở Loa Khê. Lúc đó là thời vua Thái Tông, năm Ung Hy thứ ba.

3. Pháp sư Nguyễn Tề:

Sư là người Tiên Đường, lúc đó là nước Ngô Việt, vua ban hiệu là Sùng Pháp. Lúc đầu Sư theo ngài Tịnh Quang truyền đạo, chuyên nghiên cứu về Chỉ Quán. Về sau Sư theo học với Thiệu Quốc sư, được phát minh huyền áo. Đời Chu, năm Hiến Đức thứ nhất, có người dân sống ở Loa Khê là Trương Ngạn An đến ngài Tịnh Quang thưa rằng: Chỗ ở về phía Đông nam của xóm nhà dân, những chiều tối âm u, hay có tiếng kêu hú hoặc gõ đánh chuông trống của quỷ thần, lại có lần mộng thấy Rồng đến thăm đất, tất không phải là chỗ ở của ngu dân. Vậy xin dâng cho Sư. Ngài đến xem thì thấy non nước đẹp lạ, bèn bảo chúng rằng: “Đây chính là đất của Già-lam.” Còn việc mộng thấy Rồng phải chăng là Đạo của Tổ Long Thọ được hưng thịnh ở đất này? Bèn nhận đấy ấy. Sư Nguyễn Tề, xưa là đệ tử của ngài Pháp Hoa Thiệu Nham, đem việc ấy lên thưa, ngài bèn gom góp ba vạn tiền để Sư xây cất pháp đường và nhà trụ. Sư chỉ lợi cỏ tranh chất đá làm vách, bài trí đơn giản theo lời dạy của tôn sư. Khi xây xong thì ngài Tịnh Quang cùng hai mươi học đồ đến ở đó. Do đó Vân Cư Thiệu Thiên sư (chùa ở Thiên thai) dâng số Hán Nam Vương (là con của Ý Trung Vương, Ngô Việt cũng từng đổi nguyên hiệu xưng Đế, có hiệu là Bảo Chánh, Bảo Thái. Các con phần nhiều được phong vương, trong đó có các Vương như Hán Nam, Đặng Hứa, Tần Trần... thấy ở Lâm An Chí), Vương liền cho tiền và gỗ xây cất Sám Đường, các nhà cửa... để mở rộng thêm (thấy ở Tiên Nghiêm Tuyển, Truyền Giáo Viện Bi và Truyền Đăng...)

4. Pháp sư Đế Quán:

Người nước Cao Ly. Xưa Ngô Việt Vương nhân xem Vĩnh Gia Tập có câu: “Đồng Từ bốn trụ” bèn đem hỏi Thiệu Quốc sư. Sư đáp: Đây là Giáo Nghĩa cần đem hỏi Sư Thiên thai Hy Tịch. Vương liền mời hỏi, Hy Tịch thưa: Đây là lời văn đặc biệt trong bộ Diệu Huyền của ngài Trí Giả (Bộ Diệu Huyền đã lạc mất, chưa do đâu mà biết, tất là Sư Hy Tịch trước đây đã từng thấy phần sót lại của sách ấy). Cuối đời Đường sách vở bị thất lạc ra hải ngoại, lúc đó không còn gì. Do đó Ngô Việt Vương viết thư sai sứ đem năm mươi vật báu đến Cao Ly mà tìm về. Nước ấy bèn sai ngài Đế Quán đến dâng các kinh sách nhưng các thứ Trí Luận Số, Nhân Vương Số, Hoa Nghiêm Cốt Mực, Ngũ Bách Môn... đều cấm không được dâng lên. Lại dẫn Sư Đế Quán đến Trung Quốc xin vấn nạn, nếu không trả lời được thì cướp lấy kinh sách ấy đem về. Sư Đế Quán đến nơi nghe ngài Loa Khê giảng dạy giỏi, liền đến xin tham yết. Chỉ gặp qua một lần thì Sư rất tâm phục, liền kính ngài Loa Khê làm thầy. Sư từng viết bộ Tứ Giáo Nghi giấu trong tráp không ai biết. Sư ở tại Loa Khê được mười năm. Một hôm ngồi mà viên tịch. Sau người ta thấy tráp cũ phóng ánh sáng, mở ra chỉ thấy có bộ sách này. Do đó đem truyền bá khắp nơi, phần lớn là giúp người mới học được mở mang nhờ cậy.

Lời thuật: Ngô Việt Vương vượt biển tìm sách là do câu Đồng Từ tứ trụ, nó cũng giúp Sư Đế Quán viết ra Tứ Giáo Nghi, cho đến nói về Viên giáo, đặc biệt nêu tên Vĩnh Gia là mượn ý người lúc ấy để khiến người sau chớ quên người phát khởi. Sách này là Đại ý tám giáo của ngài Kinh Khê, Sư Đế Quán tóm lược hoặc thêm vào sửa lại và đổi tên như hiện nay, xóa đi công trình của người xưa, thật việc không nên làm.

5. Ngô Việt, Trung Ý Vương Tiên Hoàng Thục:

Tự là Văn Minh. Tổ tiên là người ở Lâm an, Hàng chi. Ông nội là Võ Túc Vương, tên Lưu, thời vua Hy Tông nhà Đường, ông mộ dân làng đánh đuổi giặc Hoàng Sào, nổi tiếng ở Giang Hoài. Lại dẫn binh Bát Đô thảo trừ Lưu Hán Hoàng Tinh ở Việt châu, rồi đem đất dâng cho Đồng Xương, từ đó ở tại đất Hàng. Đến thời vua Chiêu Tông, Xương theo Việt làm phản, ông viết thư thiết tha trách cứ, nhưng không nghe, bèn đem binh giết chết. Từ đó gồm thâu hết đất ở hai bờ Đông Tây sông Triết. Năm Càn Minh thứ tư mới được phong làm Ngô Việt Vương. Năm Khai Bình một đời nhà Lương lại gia phong là Thượng phụ hoài hải tiết độ sứ, truyền cho con Văn Mục Vương là Nguyên Quyền. Con

của Quyền là Trung Hiến Vương tên Nhân Tá. Trung Hiến Vương đánh binh Lý Cảnh chiếm lấy Phước Châu rồi giết em là Tông để nối ngôi, rất sáng suốt nghiêm nghị, lại bị Đại tướng Hồ Tấn Tư ganh tị đuổi đi (con cháu riêng thụ phong là Tốn Vương), bèn lập Thục lên ngôi, tức là con thứ chín của Văn Mục. Bắt đầu năm Khai Vận đời nhà Tấn Thục, làm Thứ sử Thai Châu.

Đời vua Thái Tổ triều ta năm Kiến Long thứ nhất, Thục được trao chức Thiên hạ bình mã đại nguyên soái. Mùa Đông năm Càn Đức thứ nhất, để giao tế nên sai con là Duy Duệ vào triều lễ cống. Năm Khai Bảo thứ tám theo binh vua đánh lấy Kim lăng (là Lý Hậu Chủ của Nam Đường). Tháng hai năm Khai Bảo thứ chín, vào triều, vua ban chiếu được mang kiếm lên điện, ra chiếu thư không ghi tên, phong cho vợ thục là Tôn Thị làm Ngô việt vương phi. Tháng tư trở về nước. Đời vua Thái Tông tháng ba năm Thái Bình Hưng Quốc thứ ba, ông vào triều tâu vua xin đem hết sổ bộ của mười ba châu do mình cai quản đều thuộc về Thiên Phủ. Vua ban chiếu chấp thuận lại cải phong cho ông là Hoài Hải quốc vương, ban cho sách ngọc, ấn vàng, được ở Lễ Hiền Trạch tại Kinh sư, con là Duy Duệ, Duy Trị đều được phong Tiết độ lãnh quận sự. Trung Ý Vương ở Kinh Sư được mười hai năm thì mất, giàu sang vinh hiển không ai sánh bằng.

Trung Ý Vương thiên tính thuần hậu, sớm biết kính Phật. Ngưỡng mộ việc vua A-dục, ông tạo tám vạn bốn ngàn tháp dùng toàn là gan, đồng, vàng đúc luyện tuyệt khéo, bên trong tháp chứa một hộp báu có bản in Kinh Tâm Chú cũng đủ số tám vạn bốn ngàn phân bố khắp bên trong để làm bảo trấn mà trấn áp các áp ở Tiền Đường. Tất cả các chùa đối nhau ở các núi Nam Bắc tại Tây hồ đều do Trung Ý Vương sáng lập. Vương quý trọng thờ kính Sa-môn như Thiên thai Thiệu Quốc sư, Vĩnh Minh Thọ Thiên sư, đều đối đãi theo lễ thầy trò. Vương có lần mời ngài Loa Khê Tịch Pháp sư đến Kim môn để giảng pháp, Vương hỏi về Giáo nghĩa của Trí Giả. Nhưng vì sách vở không đầy đủ nên Vương đã búi ngùi sai sứ người mang báu vật đến tìm các sách bị lạc mất ở Cao Ly và Nhật Bản. Do đó các sách vở của Tông Thiên thai lại được đầy đủ. Ngài Loa Khê nhận được bèn trao lại cho Bảo Vân, Bảo Vân được trao lại cho Tứ Minh, mà ngài Pháp Trí được tiếng trung hưng. Suy nguồn gốc thì Trung Ý Vương thật sự có công rất nhiều trong việc hộ pháp. Vương có lần tạo chữ vàng cho hai mươi Bộ kinh Pháp Hoa đem cúng các chùa ở các Danh Sơn (nay chùa Quốc thanh còn giữ một bộ).

Thuật rằng: Thanh Hiến Triệu Công có nói: Họ Tiền ba đời, năm

vua trải suốt trăm năm. Đương lúc thiên hạ đại loạn, số đất ở mấy Châu đã bị mao chiếm rất nhiều. Riêng Ngô Việt đã nhiều lần vào châu, luôn luôn triều cống, không mất nghĩa quân thần. Kịp khi vua Tống trị vì lại phong làm quan ở các Quận Huyện và mời làm quan ở bậc cao. Có đủ nhân để bảo hộ dân, có đủ trí để bảo toàn gia tộc thì chỉ là một nhà họ Tiền mà thôi. Âu Dương Công năm đời làm Quan viết sử thì lại bảo: Họ Tiền là do quật khởi chứ không có công đức gì. Trong khoảng trăm năm trị vì thì dùng bạo ngược đối với dân. Ôi, sao hai vị lại lập luận trái nhau đến thế? Lúc năm cuối thời Ngũ Đại quật khởi để tiến hiệu thì làm sao gọi là có công đức được? Bởi càng trọng bề trên mình thì càng khiến dân khốn đốn, mà hại binh giết dân, thiên hạ đều thế cả. Há có thể như họ Tiền giữ yên dân đất của mình mà quy phục Thánh Triều ư? Rốt ráo thay lời của Thanh Hiến: Đủ nhân để giữ dân, đủ trí để bảo toàn gia tộc. Lời Âu Dương là luận thái quá vậy.

*** Nối pháp ngài Quốc Thanh Dục Pháp sư.**

Pháp sư Khế Năng:

Sư người Vĩnh Gia, là thầy của Thần Ngô Khiêm Công, được giáo chỉ ở Dục Pháp sư. Sư là chủ chùa Thường ninh ở Thiên thai, giảng đạo không hề biết mỏi mệt. Từ tổ Trí Giả đến nay thường lấy lư hương và phát trần để truyền nhau làm tin. Đến Sư là người đích truyền thứ mười bốn. Buổi vắng niên Sư truyền lại cho Phù Tông Trung Sư. Phù Tông thưa: Con đã đắc pháp với ngài Quảng Trí rồi, dám xin từ chối. Sư bèn giấu kín ở Thiên thai đạo tràng, không truyền cho ai nữa.

Thuật rằng: Đệ tử ở Cửa Loa Khê có số trăm, nhưng bản truyền chỉ có Bảo Vân là hàng cao đệ, không thấy ghi tên Dục Sư. Nghi rằng Dục Sư gặp ngài Loa Khê trước nhất nên sớm được truyền lư hương và phát trần. Bảo Vân đến sau nhưng vì đạo của Sư này rất nổi tiếng nên được truyền kế mà đưa lên hàng thượng thủ. Theo đây mà nói thì chú trọng ở đạo chứ không ở lư hương phát trần. Phàm lư hương và phát trần là vật làm tin của Tổ Sư truyền nhau đã lâu đời không thể không có tệ hại. Hoặc vì tình mà được truyền, hoặc dùng sức mà lấy, đối với đạo làm sao dự bị trước được. Sư Khế Năng muốn truyền cho Phù tông nhưng Tông từ mà không nhận là cố chấp, nên dấu ở Trừng Hành Đạo của Tổ Sư mà bỏ đi là phải. Nếu cứ bảo Phù Tông nhận thì là dối nhận mà cũng là dối truyền. Đủ để gây nên sự phân chia tranh giành ở người sau thì đạo làm sao tồn tại được?

DÒNG THỨ CỦA NGÀI BẢO VÂN

1. Pháp sư Tuân Thức:

Sư tự là Tri Bạch, họ Diệp, người Ninh Hải Thiên thai, mẹ họ Vương, cầu xin con trai ở Đức Quan Âm, mộng thấy cô gái đẹp cho hạt minh châu, bà nuốt đi mà sinh ra Sư. Được bảy tháng thì Sư bắt chước mẹ đọc danh hiệu Quan Âm (năm Quý Hợi, niên hiệu Càn Đức thứ nhất đời vua Tống Thái Tổ, sinh Sư). Khi lớn lên không thích theo anh buôn bán, lén trốn đến Đông Sơn nương Sư Nghĩa Toàn mà xuất gia. Trước đó Nghĩa Toàn mộng thấy một đứa bé cỡi cổ tượng Phật, rồi thì Sư đến. Năm hai mươi tuổi (năm Quý Mùi, năm Thái Bình thứ bảy đời vua Thái Tông) Sư đến chùa Thiên lâm thọ giới Cụ túc. Năm sau học Luật với sư Thủ Sơ. Sau đó vào chùa Quốc thanh. Trước tượng Đức Phổ Hiền Sư đốt một ngón tay thệ nguyện truyền đạo Thiên thai. Năm Ung Hy thứ nhất, Sư đến học với ngài Tứ Minh (Sư hai mươi hai tuổi). Giữa đường mộng thấy một lão Tăng gọi bảo: “Ta là Hòa thượng Văn-thù đây.” Khi gặp ngài Bảo Vân thì đúng là vị lão Tăng đã thấy trong mộng bèn kính cẩn theo học. Chưa bao lâu trí giải hiện bày. Nhân ngày huý nhật của tổ Trí Giả, Sư đốt liều ở đỉnh đầu suốt buổi sáng nguyện gắng tu bốn thứ Tam-muội. Năm Đoan Cung thứ nhất, ngài Bảo Vân viên tịch, Sư bèn trở về Thiên thai, vì quá khổ học đến nỗi bị bệnh thổ huyết. Bèn cương quyết nhập Đại Từ Phật thất trì tiêu phục chú pháp. Tự nguyện rằng: Quả số ta hoàng truyền tứ giáo hưng thịnh thì cho bệnh này lành hẳn, nếu không thì ta xin chết tại đây.” Đến hai mươi mốt ngày thì nghe trong thất có tiếng gọi bảo: “Tuân Thức không bao lâu sẽ chết!” Sư càng cố gắng. Đến ngày thứ ba mươi lăm thầy chết đầy nhà, Sư đạp lên mà đi thì thầy biến mất. Đến cuối ngày thứ bốn mươi chín trong thất có tiếng bảo: “Mười phương chư Phật đã tăng thêm cho ông phước thọ.” Đêm ấy Sư mộng thấy một người to lớn, cầm chày Kim cang ngáng chặt vào miệng Sư. Lại có lần thấy Đức Quan Âm thò tay vào miệng Sư kéo ra mấy con sâu, rồi đưa ngón tay rót nước cam lồ vào miệng Sư, nên thân tâm mát mẽ bệnh cũ lành hẳn. Rồi thì Đỉnh Sư cao hơn một tấc, tay dài quá gối, tiếng nói vang như chuông, da trắng như bạch ngọc. Năm Thuần Hóa thứ nhất (Sư hai mươi tám tuổi), chúng mời Sư đến Bảo Vân giảng các kinh Pháp Hoa, Duy-ma, Niết-bàn, Quang Minh chưa hề gián đoạn. Có người đem cho con lừa mang thai, hàng ngày lừa đến nằm mọp dưới tòa im tuồng lắng nghe nói pháp, như thế suốt bốn tuần, khi đẻ con rồi thì không đến nữa. Có lần Sư đến chỗ ngài Pháp Trí. Pháp Trí nghe ngoài cửa có tiếng cười nói bảo thị giả rằng: “Hễ nghe bên ngoài có tiếng nói tức có Thánh nhân đến.” Thị giả lật đật chạy ra xem rồi báo rằng: “Có

ngài Từ Vân đến!” Ngài Pháp Trí cả kinh bảo: “Sư huynh ta chuyển kiếp rồi vậy!” Năm Chí Đạo thứ hai, Sư kết hợp chúng đạo tục chuyên tu nghiệp Tịnh độ, viết Thệ Sinh Tây Phương Ký. Lại được Đức Quan Âm ngầm khen, nên Sư sai thợ điêu khắc tượng ngài bằng gỗ chiên-đàn do Sư vẽ kiểu. Sư soạn mười bốn lời nguyện để trong bụng tượng. Người thợ vô ý làm gãy cánh tay cầm nhành dương liễu, Sư cả kinh đưa tay đỡ (tượng này hiện còn ở điện Thiên trúc sám) rồi gắn dính lại mà không cần keo. Năm Hàm Chánh thứ ba (đời Chân Tông), ở Tứ Minh có hạn hán lớn, người trong quận mời sư cầu mưa, Sư và hai sư Pháp Trí, Di Văn dẫn chúng tu thỉnh Quán âm Tam-muội, ngầm ước nếu sau ba ngày không mưa thì sẽ tự thiêu, đúng hẹn thì mưa lớn ào xuống. quan thái thú Tô Vi đã dựng bia thuật lại sự linh dị ấy. Năm Hàm Chánh thứ tư, Sư đến ngụ ở núi Đại lô ở Từ khô, Sư mới sửa lại thỉnh Quan Âm Tiêu Phục Độc Hại Sám Nghi. Năm Hàm Chánh thứ năm (Sư bốn mươi tuổi, từ năm Canh Dần Thuần Hóa đến năm Tân Sửu Hàm Bình thứ tư, suốt mười hai năm đó Sư ở Tứ Minh), Sư trở về làm chủ chùa Đông dịch ở Thiên thai, vì học trò quá đông nên Sư cất nhiều tinh xá ở góc Tây của chùa, dẫn chúng tu Niệm Phật Tam-muội. Có miếu Bạch hạc, dân cư thờ thần ở đấy rất linh. Sư bèn truyền giới cho Thần rồi đổi việc tế lễ mặn thành cúng chay, Thần và dân cùng nghe theo. Sư bèn soạn Dã Miếu Chí để răn đời. Năm Tường Phủ thứ tư, Chương Tuân Công (được Tượng Quan Âm) nhận lãnh nhiều việc, vào đầu mùa Hạ đón sư đến Cảnh Đức để giảng Chỉ Quán. Vừa xong thì có ba vị Sa-môn đáp y đến nơi, bèn mời lên ngồi nghe giảng Vu-lan-bồn, bỗng biến mất. Khi Sư đi ngang Hoàng nham, giữa đường gặp một con heo chạy ở trước, tìm hiểu thì là heo chạy lạc của cửa hàng mổ thịt, bèn đưa tiền chuộc về nuôi ở chùa Diệu hỷ rồi đặt tên là chú heo Ngô Thiện. Chùa Xích sơn ở sát biển mà rất cao. Sư đến gọi người bảo: Nên xây tháp ở đây. Trước đấy, ở đỉnh núi có ánh sáng lạ, trong có hình tháp bảy tầng chiếu sáng ra biển rộng bốn mươi dặm đều là áp lương của ngư dân. Có người đem việc ấy thuật cho Sư, Sư mừng là đã có điềm trước bèn xây tháp ở đấy. Đám ngư dân được cảm hóa nên bỏ nghề đánh bắt cá. Lúc đó ở Đông sơn có tổ chức Sám hội. Bấy giờ có đại hạn, Sư lấy cây tích tượng thọc vào rãnh đá thì suối liền phun lên (nay là suối Thạch Nhãn). Năm Tường Phù thứ bảy, Chiêu Khánh Tể Nhất ở đất Hàng dẫn chúng cùng đến thỉnh Sư, trước đây người đất Hàng mấy lượt thỉnh Sư sang phía Tây hoàng hóa nhưng chưa nhận lời, nay họ đến Sư mới nhận lời. Sư từng mộng thấy ở trong thai mẹ mười hai năm, khi sinh ra thì vào đất Hàng,

quả ứng đúng với số năm. Sư đến Chiêu Khánh, hoàng dương giảng thuyết thanh hành. Người đất Hàng có tục ưa dùng rượu thịt khi chôn người. Sư nói Phật sự thì hay hơn, họ liền đổi cúng chay. Nhân đó Sư soạn ra Giới Tử Nhục Từ Tuệ Pháp Môn. Có đêm nọ đi cho cá ăn, ngư dân nghe quở bảo nhau: “Đêm nay tuyệt nhiên Sư không đến đâu!” Một quở bảo: “Sư là người Từ bi tất không bỏ ta”. Chốc lát Sư xách lồng đèn đập tuyết mà đến. Năm Tường Phù thứ tám, người đất Tô, đem Quận phù đón Sư đến ở tại Khai Nguyên lập đàn giảng kinh, kẻ đạo tục đều đến dự, cấm ăn mặn uống rượu, khiến chợ búa ế ẩm, kẻ bán rượu thịt dẹp tiệm. Quan Giám không thu thuế được. Sư giả biệt bảo đồ chúng rằng: Tổ Trí Giả có để lại thư cho Tấn Vương nói về sáu điều hận, một điều trong số ấy là vì pháp mà tập họp làm động chúng, làm trở ngại việc quan bị người ghét. Nay ta phước mỏng sao có thể ở lâu đây được? Sư bèn trở về đất Hàng (trong di thư của Trí Giả nói: Kinh Khê giảng pháp họp chúng có một ngàn người, học thiền có ba trăm người. Quan châu lo lắng sợ hãi cho là trái phép nước. Đâu có thể họp chúng đông để gây buồn lo cho quan nhân. Bèn buổi sớm thì như mây tụ họp, buổi chiều thì như mưa tan đi. Nếu có mầm thiện mà không lớn lên thì đây là điều ân hận thứ năm). Quan thứ sử Tiết Nhan mời Sư ở Linh sơn là nơi Sư Chân Quán cất chùa Thiên trúc thời nhà Tùy. Ở phía Tây chùa thời nhà Trần có trồng nhiều cây cối là nơi hang ổ giặc cướp bị đốt phá chỉ còn lại cành khô. Mùa đông năm ấy thì cành lá lại xanh tươi, nhân đó đặt tên là Trùng Vinh Cối, làm thi phú khắc vào đá, cho là điềm lành báo đại tràng sẽ được xây cất lại. Sư mới định sắc lại Vãng sinh Tịnh Độ Sám Nghi. Đến năm Tường Phù thứ chín, ngài Tăng Chánh Tuệ Tư ở Thiên thai đến Kinh sư, nhân đó đã khen ngợi nhiều về đạo đức của Sư nên được vua ban cho Tử Y. Tháng ba người ở quận thiên thai đem quận phù thỉnh Sư đến chùa Thọ xương ở thạch lương để giảng kinh Pháp Hoa. Tháng chín sư đến Đông dịch, tháng mười Sư trở về chùa Thiên trúc. Năm Thiên Hy thứ nhất, quan thị lang Mã Lượng giữ Tiền Đường rất quý chuộng nghiệp Tịnh độ nên đến Sư hỏi đạo, Sư bèn soạn cho quyển Tịnh Độ Hạnh nguyện Pháp Môn và Tịnh Độ Lược Truyện. Chức phương lang trung là Thôi Dục Tài hỏi Sư về đạo thí thực, Sư bèn soạn cho một Thiên Quán Tưởng (thấy trong Kim Viên tập). Năm Thiên Hy thứ ba, Thừa tướng Vương Văn Mục Công phủ dụ đất Hàng (tên là Khâm Nhược làm Thừa tướng cho vua Chân Tông) dẫn các quan thuộc hạ đến thăm hỏi Sư trong núi và thỉnh Sư giảng Pháp Hoa và Nghĩa Như của ba pháp giữa tâm, Phật, chúng sinh. Sư biện luận rất

thông suốt, trước mặt các hàng quan liêu thuộc hạ và đại chúng, Thừa tướng hết lời khen ngợi Sư rằng: Đạo này từ trước nay chưa được nghe, người này từ trước chưa từng thấy (trong Biệt Tập có đề giảng). Sư lấy tông giáo của Thiên thai trình bày gốc ngọn đầy đủ với ông. Năm Thiên Hy thứ tư, ông tâu lên vua việc tên cũ của Tích Thiên Trúc, lại phục hưng chùa để dạy dỗ mà đích thân viết biển đề. Ông lại cùng Tần Quốc Phu Nhân cúng tiền sáu trăm vạn để xây cất Đại điện. Ông viết thư hỏi Sư về việc lập giáo của Thiên thai và xin giải thích nghĩa chỉ của kinh, xưa nay ai hơn ai kém. Sư trước hết đáp khái quát về sự lập giáo, kể nêu văn các con đòi xe, nhắc lại một, hai nghĩa xưa và nghĩa Từ Ân phá Thiên thai lại đem so sánh với sự giải thích chính thức của Trí Giả rồi quyết đoán phải quấy. Cho rằng các Tổ xưa nay không có ai hơn kém. Ông xem văn hiểu rõ nghĩa càng vui mừng tin tưởng (Văn thấy trong Biệt Tập). Sư lấy việc ngày xưa tổ Trí Giả ở trên sông Thiên thai đã bảo hộ sinh mạng mà trình lên Thừa tướng. Nhân đó ông tâu lên vua xin Tây Hồ làm ao phóng sinh để cầu thọ cho vua. Về sau ông làm Văn Mục Doãn ở Phủ Ứng Thiên, nhân có bệnh nhẹ mộng thấy gặp Sư bệnh liền dứt. Bèn dâng thơ nói rõ với Sư việc đó. Sau đó ông dời về Trấn Giang Ninh (được thăng chức) bèn đón Sư về phủ để sớm chiều học hỏi pháp, mỗi lần Sư ở ba tháng, nhân đó Sư viết: Thập Pháp Giới Quán Tâm Văn Trụ, Nam Nhạc Tâm Yếu Kệ. Gặp Hội Càn Nguyên, ông tâu vua việc nghe đạo ở trên với vua, vua bèn ban cho Sư hiệu Từ Vân. Năm Càn Hưng thứ nhất, Chương Ý Thái Hậu (là mẹ của Nhân Tông, họ Hoa, người Tiền Đường, Cha là Nhân Đức. Vì Sư là bậc huân tu tinh tấn nên sai sứ mang hai trăm lượng bạch kim nhờ Sư ở trong núi tu sám lễ cho cả nước. Sư bèn soạn Kim Quang Minh Hộ Quốc Đạo Vi Tịnh đem dâng lên vua. Nhân đó ông tâu vua về giáo văn của Thiên thai, xin cho nhập vào Đại Tạng. Việc chưa làm thì ông (Thừa tướng) qua đời. Năm Thiên Thánh thứ nhất (đời Nhân Tông), Nội thần là Dương Hoài Cổ vào núi dâng hương, kính trọng đạo đức của Sư nên lại tâu lên vua. Năm sau mới được chỉ vua cho nhập Tạng và ban cho trăm lượng bạch kim, thiết trai đãi một trăm Tăng để ăn mừng. Sư bèn soạn Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục, lược thuật văn nghĩa các bộ. Nói về Huyền Nghĩa là hệ thống rõ năm thời, luận rộng tám giáo, đại ý việc ra đời của Phật đều chứa trong đấy. Về Văn Cú, nghĩa là dùng câu văn để phân văn kinh thành nhiều chương tiết. Ngài Kinh Khê mỗi thứ đều có Ký thích và vẫn giữ y nghĩa chánh của năm kinh (Khổng Dĩnh Đạt đời Đường đã viết về chánh nghĩa của năm Kinh). Về Chỉ Quán, tức sự khác nhau của định

tuệ dùng làm hạnh môn của Pháp Hoa. Văn Cú Huyền Nghĩa trước đây đều nói rõ việc Phật tùy căn cơ mà giáo hóa. Về văn kinh thì có mượn sự việc phụ theo pháp mà Quán Tâm, không phải là toàn chánh ý của bộ kinh. Nay Chỉ Quán chính là ngài Trí Giả nói về pháp môn tu tâm mình. Nói về Tự hành, Nhân quả, Dạy người, Năng sở v.v... đều đầy đủ. Lại ở phẩm Phổ Môn nói thêm phần Biệt Dịch Trùng Tụng, kể đạo tục đều tuân đọc. Năm Thiên Thánh thứ tư, quan Quán Nghị là Hồ Tắc về quận, đã nhiều lần vào núi hỏi đạo với Sư, rất mừng được hiểu rõ pháp yếu bèn cúng vàng để xây cất cổng núi và nhà cửa. Năm Thiên Thánh thứ năm, vào đêm Trung thu trái quế rơi rụng khắp thêm nhà, Sư đem hạt quế gieo trồng dưới rừng, rồi làm thơ về trái quế. Tháng giêng năm Thiên Thánh thứ sáu, Sư sai học trò đến Tứ Minh cúng tế ngài Pháp Trí, có văn tế và thơ truy điệu. Bèn xây am Nhật quán ở phía Đông chùa để hướng về phương Tây quán tưởng tu nghiệp vãng sinh. Năm Thiên Thánh thứ chín, Sư giảng kinh Tịnh Danh bỗng bảo học chúng rằng: Xưa ta giảng kinh này ở Đông dịch, mộng thấy tổ Kinh Khê trao cho ta quyển Kinh, ta ra khỏi thất thì thấy mặt trời đã lặn. Nay ta trước sau vẫn giảng kinh này. Nhân đó Sư nói lời giả biệt với chúng rằng: Ta ở hai chùa tại đất Thai và Hàng suốt bốn mươi năm luôn dùng mười phương làm ý, nay trao cho các ông giảng tòa này vậy nên noi theo chí ta. Lại bảo đệ tử là Tổ Vận rằng: “Ông tiếp nối ta ở đạo tràng giữ gìn lư hương và phất trần này chớ làm người sau cùng đoạn dứt Phật chủng.” Rồi làm tạ Tam Duyên Thi, nghĩa là già từ đồ chúng, dứt hết bạn bè tân khách và đốt hết bút nghiên. Tháng tám năm ấy Sư dời về ở Thảo Đường trên ngọn Đông Lĩnh. Đến ngày mồng tám tháng mười năm Minh Đạo thứ nhất, Sư có bệnh nhưng không dùng thuốc men chữa trị, chỉ nói pháp để khuyên gắng đồ chúng. Ngày mồng mười Sư bảo đồ chúng thỉnh tượng Phật Di-đà để chứng minh Sư lâm chung. Môn nhân muốn cầu nguyện cho Sư, bèn bày tượng Quan Âm ra, Sư đốt hương chiêm ngưỡng tượng và nguyện rằng: “Con quán Đức Quan Âm, trước không tới, sau không đi, mười phương chư Phật đồng ở Thật Tế, xin trụ ở Thật Tế này, nhận ở con một nén hương.” Có người hỏi Sư sinh về đâu? Sư bảo: “Ở Tịch quang tịnh độ.” Đêm đến Sư ngồi yên mà viên tịch. Sư có làm cái Khâm Minh gọi là Hà Tháp. Khâm liêm Sư đã hơn bảy ngày mà hình dung vẫn còn như lúc sống. Sư thọ sáu mươi chín tuổi, hạ lạp năm mươi. Vào đêm Sư viên tịch người ta thấy có sao lớn sa xuống ngọn Linh thứu, ánh sáng đỏ rực rỡ. Những người được truyền pháp như Văn Xương v.v... hai mươi lăm vị, số người học đạo có cả ngàn người. Số đệ tử như Nhược Hư v.v...

khoảng trăm người. Vào ngày mồng bốn tháng Trọng Xuân năm sau, thỉnh Hà Tháp đem táng ở dưới ngọn Nguyệt Quế phía Đông của chùa, ở gần chỗ Pháp sư Tùy Quán. Thuở nhỏ Sư giỏi về văn chương, có phong cách thi nhân. Về thi tập thì có Thái Di, Linh Uyển. Về các sáng tác khác thì có Kim Viên, Thiên Trúc, Biệt Tập... đều lưu hành trên đời. Có quý quan viết lời chú Kinh Lăng-nghiêm xin Sư ấn khả, Sư đốt ngọn lửa lớn bảo rằng: Các hạ đã để ý đến Phật pháp thật là hiếm có. Nay trước hết xin nêu ba câu hỏi nếu lời đáp hợp lý thì cho lưu hành, nếu không thì xin giao cho ngọn lửa này. Quan đồng ý. Sư bảo: “Chân Tinh Diệu Nguyên Tánh Tịnh Minh Tâm” không biết đã chú thích như thế nào? Ba- bốn, bốn- ba xoay vần, mười hai thứ lưu chuyển biến thành ba lớp. một thành mười thành trăm thành ngàn là nghĩa thế nào? (Xưa Sư chú giải rằng: Lần trước biến một thành mười, lấy ba đời bốn phương nhân thành mười hai lần. Kế biến mười thành một trăm, lấy ba đời bốn phương nhân thành một trăm hai mươi. Lần sau biến trăm thành ngàn, lấy ba đời bốn phương nhân thành một ngàn hai. Đó là số công đức của một căn. Hợp chung cả sáu căn là bảy ngàn hai trăm, trừ ba căn nhãn, tỷ, thân thì mỗi thứ thiếu bốn trăm, nên thật có là sáu ngàn đó là số công đức của sáu căn. Một biến thành mười thành một trăm thành một ngàn là ba lớp, gồm cả ba phen lập nên số ấy). Chỗ chứng Viên Thông của hai mươi lăm Thánh đã gọi là thật không hơn kém. Vì sao Văn-thù chỉ chọn lấy Quán Âm? Người ấy không đáp được, Sư bèn ném vào lửa. Do đó “Ba cửa ải Lăng-nghiêm” có từ đấy. Vua Nhân Tông xem bộ Quang Minh Hộ Quốc Nghi của Sư dâng lên đến đoạn văn “Thánh Đế Nhân Vương từ lâm vô tế” thì vỗ ghế than rằng: “Trăm có người này đủ để trị vì.” Bèn gấp ra chiếu mời nhưng Sư đã tịch rồi. Lúc Sư mới xuất gia, các học trò ở trường Quận rất ngưỡng mộ tài Sư đến khuyên Sư trở về đạo Nho. Sư làm thơ đáp Lư Tích trong đó có câu: “Chân không là Trường Thi, Đại Giác là chức quan” được mọi người nhắc nhở nhiều. Sư thường nhập định suốt ba tháng làm kỳ hạn. Ở bốn góc nơi hành đạo đều có để các chảo tro nóng gặp khi biếng nhác thì thọc tay vào chảo nóng. Sư mười ngón chỉ còn ba ngón. Khi xây cất điện Quang Minh Sáu, mỗi lần gác một cây kèo hay chạm xây một bờ tường thì liền tụng bảy biến chú Đại Bi, có ý nhờ Phật pháp gia bị cho công việc không trở ngại. Cho nên bọn giặc cướp Kiến Viêm chất củi đốt thì nhà cửa vẫn còn nguyên vẹn. Kịp đến loạn Phương Lạp Trần Thông, trải ba cuộc giặc cướp đốt phá thì đều không hề hấn gì. Đến nay các nước khác truyền nhau gọi là “chùa đốt không cháy”. Đây há chỉ riêng bày cái

thần tích của Giáo môn mà thật ra đã nêu sáng một việc quốc gia có đạo vậy. Năm Sùng Ninh thứ ba, vua ban cho Sư hiệu là Pháp Bảo Đại sư. Đến năm Thiệu Hưng ba mươi thì vua đặc biệt thụ phong là Sám Chủ Thiên Tuệ Pháp sư. Thập đề là Thụy Quang (theo các quyển: Hành Nghiệp Khúc Ký, Tu Tam-muội Ký, Thiên Sinh Chư Tập, Tông Nguyên Ký).

Ngài Kính Am nói: Đạo, nhờ người hoằng hóa, người ắt có chỗ nương, cả ba thứ này đều phải đầy đủ. Đạo ta bắt đầu từ thời Trần Tù và thanh hành ở đời Đường, suy vi ở đời Ngũ Đại đến nay. Vào thời vua ta (Tống) thì đạo này lại phục hưng. Ngài Loa Khê Bảo Vân chấn hưng ở thời trước, ngài Tứ Minh Từ Vân làm rộng lớn sau này. Thế nên từ ngài Pháp Trí sáng lập Nam Hồ đến ngài Từ Vân tạo dựng Linh sơn đều vì pháp quên mình bền vững nguyện lực mà tiếp nối. Lấy thần chiếu để mở mang Bạch Liên, dùng biện tài để báo điềm Thượng Trúc. Do đó cả hai bờ Đông Tây Triết giang đều mở pháp tòa. Cuối cùng có thể nương nhờ chùa yên chúng đông mà hoằng truyền đại đạo. Ai bảo là việc hoằng truyền không cần nơi chốn ư? Song chùa Linh sơn bao phen bị giặc đốt mà không hư hao, đây há không phải là sự linh nghiệm của nguyện lực bậc Chí nhân đọ thần chú cầu gia bị được bền vững đấy sao?

Thái thú Quang châu là Hứa Đoan trong tựa Tập Thi có nói rằng: Thơ của ngài Từ Vân văn suốt với Đạo, lời sát với Lý rất giống với Đào Bành Trạch. Bởi hành động hợp với tình, lễ nghĩa phát thành lời. Xưa Quán Hưu làm Thiên Nguyệt Tập vì lúc đầu chưa nghe đạo nên dù tài tình tuấn kiệt mà vẫn mất cái nghĩa trợ giáo, còn Trung Dung Tử làm Nhân Cư Biên lời tuy nói đạo nhưng câu văn thấp kém, mất đi cái thể thi nhân. Còn Từ Vân thì không như thế, văn đẹp lý sáng, tao nhã mà đứng đắn, chọn lọc mà giản dị có phong vị của Tấn Tống. Bởi đạo nghiệp của Sư quá lớn nên tiếng về văn thơ không được lưu truyền.

2. Pháp sư Di Văn:

Sư người ở Dư Hàng, tâm ngâm học Thiên thai thường bảo rằng: “Chỉ hiểu không chưa đủ thỏa chí”, cho nên Sư miệt mài tu các Tam-muội làm nghiệp chính, lại đến tham học với ngài Bảo Vân mà được thông suốt hết các ý chỉ. Năm Chí Đạo thứ ba, ngài Pháp Trí hoằng đạo ở Diên khánh thì Sư có công phụ giúp rất nhiều. Vì chùa chiền đổ nát Sư bèn cùng ngài Đôn Khâu Viên Giác ra sức tu sửa lại không đầy ba năm công việc hoàn thành. Ngài Pháp Trí lập “Bia thành thệ”, chỉ bày khuôn phép mười phương đều có liên hệ đến tên Sư, nên gọi hai Sư. Về

sau Sư cùng ngài Pháp Trí kết hợp với mười vị Tăng, nguyện tu sám lễ suốt ba năm, thể tự thiêu để báo đáp ân Phật. Lúc đó Dương Văn Công nhiều lần viết thư khuyên can nên cuối cùng các Sư không tự thiêu. Sư ở Diên Khánh suốt bốn mươi năm, những việc Tu Tam-muội của ngài Pháp Trí đều có Sư tham dự đầy đủ.

3. Pháp sư Hữu Cơ:

Sư tự là Cập Hiền, họ Vương, người Tiền Đường. Mẹ mộng thấy vị Phạm Tăng trao cho xá-lợi bèn nuốt vào rồi thọ thai. Lên năm tuổi Sư đến Thọ Xương ở Thiên thai, tôn ngài Pháp Siêu làm thầy. Lên mười tuổi thọ giới Cụ túc, nghe ở Tứ minh ngài Bảo Văn truyền giáo của tổ Trí Giả, bèn đến hầu hạ, được truyền dạy Pháp Hoa, Chỉ Quán. Theo lời hiểu nghĩa thấu suốt diệu chỉ. Năm Đoan Cung thứ nhất, người trong Quận thỉnh Sư giảng giáo tại chùa Thái bình hưng quốc. Người học có đến mấy trăm người, mỗi ngày rằm và ba mươi đều họp chúng, Sư lên tòa cao tụng đọc giới pháp Bồ-tát. Khuyên dạy bản đạo niệm Phật suốt bốn mươi năm có đến vạn người. Gặp năm đói kém Sư ôm bát khát thực để cúng dường chúng nghe pháp. Năm Tường Phù thứ tám, tháng sáu Sư có bệnh, đệ tử là Linh Tường thưa rằng: “Hòa Thượng về Tây Phương mà không để lại lời dạy bảo.” Sư bèn rộng bàn ý chỉ Viên Đốn mãi không thôi. Chúng bỗng thấy ở phương Tây phóng ánh sáng, trên không trung có tiếng tấu nhạc. Sư bảo: “Ba Thánh ở Tây Phương đã đến”, liền nằm nghiêng bên phải xây mặt về hướng Tây mà hóa. Trà-tỳ thì được vô số xá-lợi. Môn nhân là Ngô Trì xây tháp trên ngọn Linh quy ở Từ Khê. Có người mộng thấy Sư ngồi trên hoa sen xanh nghe Phật nói pháp. Có người mộng thấy ba thân Như Lai đồng vào tháp. Có người mộng thấy Sư rất oai nghi được rước về phương Tây. Có người mộng thấy Sư được Đức Di-đà thọ ký là Siêu Tráng Như Lai. Ngài Pháp Trí nghe Sư viên tịch liền khen rằng: “Ngọa bệnh giảng pháp, lâm chung thấy Phật thật là đáng kính.” Quan nội hàn là Dương Ưc đến trước tượng Sư làm bài tán ngợi khen (đây toàn theo lời bia Tam Học Soạn Hạnh Nghiệp. Ở Phước nguyên thì có một trăm mười tám người, còn bản kỷ chỉ ghi có ba mươi ba người. Các chi tiết khác đều thất lạc).